

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 12 – 2022.

V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ngọc Minh

- Ông Nguyễn Văn Thường

**Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXX-ST, ngày 16-11-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số:.... 78 ngày 25-11-2022 giữa.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm: 1986 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần N T, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: P, P, N, Ninh Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ, ông T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, tổ chức lễ cưới về chung sống có đến UBND xã P đăng ký kết hôn năm 2007; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do quá trình chung sống thường xảy ra cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay bà Đ xét thấy tình cảm giữa bà với ông T không còn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quang T1, sinh ngày 27-07-2007; tên Trần Quỳnh N, sinh ngày 04-09-2012 bà Đ đang nuôi và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 con chung không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thu nhập: Bà Đ khai thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng (thợ may).

Về bị đơn: Tòa án tổng đạt các văn bản theo thủ tục tố tụng, bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đ được ly hôn ông T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thu nhập: bà Đ khai thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng (thợ may)

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích Đ, ông Trần N T tự tìm hiểu về chung sống có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn năm 2007 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2021 xảy ra xích mích, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách nhiệm với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Bà Đ xét thấy tình cảm giữa bà với ông T không còn, bà Đ xin ly hôn ông T là có căn cứ.

Xác minh chính quyền địa phương cho biết bà Đ, ông T vẫn còn chung sống một nhà Nng không có trách nhiệm với nhau, mạnh ai nấy sống không quan tâm đến nhau.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Đ, ông T cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Đ xin ly hôn ông T là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quang T1, sinh ngày 27-07-2007; tên Trần Quỳnh N, sinh ngày 04-09-2012 hiện bà Đ đang nuôi và bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 con chung không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Đ là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Nguyên vọng con chung: Cháu N có nguyên vọng ở với bà Đ

[5] Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét, do bà Đ không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến, quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 38, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích Đ, bà Nguyễn Thị Bích Đ được ly hôn ông Trần N T.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung tên Trần Quang T1, sinh ngày 27-07-2007; Trần Quỳnh N, sinh ngày 04-09-2012, con chung hiện bà Đ đang nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Triệu không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà Đ không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Bích Đ là người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Nng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002519, ngày 16-05-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, bà Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt. Báo cho người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-12-2022). Riêng người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

**- Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sứ

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Ngọc Minh; Nguyễn Văn Thường**

**Đoàn Sửu**

- Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
  - VKSND huyện N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- THADS huyện N;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự

Đoàn Sự

**- Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã Phước Hậu (để biết);
- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Sứu**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hương; Phạm Ngọc Minh**

**Đoàn Sứ**



**- Nơi nhận:**  
**THẨM**

- TAND tỉnh Ninh Thuận;

**tòa**

- VKSND huyện N;

- THADS huyện N;

- UBND xã Phước Hữu (để biết);

- Các đương sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên**

**Đoàn Sứ**

























